

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Phước
2. Ông Huỳnh Tài Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ T - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về “ Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc T1, sinh ngày 16/01/2004. Địa chỉ: Ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 095304000915, cấp ngày 08/4/2021, tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (có đơn vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Ngọc T1: Ông Nguyễn Chí T2, sinh năm 1995, địa chỉ khóm A, phường L, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh ngày 08/09/2001. Địa chỉ: Ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 095201000168, cấp ngày 05/03/2021, tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T1 trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 9 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Vào năm 2022, bà Phạm Thị Ngọc T1 và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cà Mau) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61,

ngày 03 tháng 8 năm 2022. Bà T1 và ông V chung sống không có con chung, tài sản chung và không nợ chung.

Trong thời gian chung sống, do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, thường xuyên mâu thuẫn, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân hơn 01 năm nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T1 yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn V không có lời khai trong hồ sơ. Lý do, Tòa án nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn V đến Tòa án làm việc nhưng ông V không đến; Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng ông Nguyễn Văn V không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 đối với ông V. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 06 tháng 10 năm 2025, bà Phạm Thị Ngọc T1 nộp đơn khởi kiện qua đường bưu điện đến Tòa án yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Văn V, cư trú ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, bà T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không rõ lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 và ông V theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà T1 và ông V tự nguyện chung sống vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cà Mau) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 03 tháng 8 năm 2022 nên hôn nhân giữa bà T1 và ông V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Bà T1 xác định trong thời gian chung sống, bà T1 và ông V có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, từ đó không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đã ly thân hơn 01 năm nay. Điều này cũng phù hợp với lời khai bà Phạm Thị N là mẹ ông ông V. Bà N xác định quá trình chung sống, bà T1 và ông V có mâu thuẫn, hiện hai người không còn chung sống với nhau. Nguyên nhân bà T1 và ông V mâu thuẫn thì bà N không rõ.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa bà T1 và ông V không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, ông bà T1 và ông V đã ly thân hơn 01 năm nay. Hiện tại bà T1 không còn tình cảm với ông V, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T1 yêu cầu được ly hôn với ông V là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 đối với ông V.

[4]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà T1 với ông V chung sống không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà T1 phải chịu 300.000 đồng, bà T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001365 ngày 09 tháng 10 năm 2025 được chuyển thu án phí.

[6]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc T1 đối với ông Nguyễn Văn V.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà Phạm Thị Ngọc T1 phải chịu 300.000 đồng, bà T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001365 ngày 09 tháng 10 năm 2025 được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Châu Thới, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi

